

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn.

2. Ông Nguyễn Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 315/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trình Thị Kim P, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số 1/79 B, Khu phố N, Thị trấn D, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp V, Thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.(vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Số 1/79 B, Khu phố N, Thị trấn D, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Trình Thị Kim P trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh chị ly thân đến nay, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi không lo làm ăn, thậm chí còn sử dụng chất ma túy chị có khuyên can nhưng anh T không từ bỏ mà còn đánh chị nhiều lần. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Trần San S, sinh

ngày 09-11-2006, hiện cháu S đang sống với chị P. Nay chị P yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng;

Về tài sản chung : Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31-5-2018, bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị P chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh chị ly thân đến nay. Chị P yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý giao cháu S cho chị P nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị P và bị đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T. Về con chung: Giao cháu S cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trình Thị Kim P và anh Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Nên hôn nhân của anh chị hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị P có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T có sử dụng trái phép chất ma túy, chị P có khuyên can nhưng anh không từ bỏ và anh chị ly thân từ năm 2013. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ.

[3] Về con chung: Qua làm việc cháu S có nguyện vọng được sống với chị P nên giao cho chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cháu Trần San S, sinh ngày 09-11-2006. Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trình Thị Kim P với anh Trần Thanh T. Chị P được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần San S, sinh ngày 09-11-2006. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trình Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013375 ngày 23-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND Thị Trấn D;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

